

Số: /QĐ-BDT

Quảng Trị, ngày tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp) năm 2023; Công văn số 1326/STC-QLSN ngày 14/9/2023 của Sở Tài chính về việc thông báo kinh phí sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu Dự toán kinh phí sự nghiệp Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị (theo biểu số 2 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng thuộc Ban và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính (b/c);
- Lưu :VT, VP_{2b}.

TRƯỞNG BAN

Hồ Thị Lệ Hà

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDT, ngày /5/2023 của Ban Dân tộc)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.309
I	Chi quản lý hành chính	
II	Chi Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	4.309
2.1	Kinh phí Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	422
2.2	Kinh phí Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	800
2.3	Kinh phí Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.264
2.4	Kinh phí Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.306
2.5	Kinh phí Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	117
2.6	Kinh phí Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	400